TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2026/HS-ST
Ngày 18 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Nhân - Bà Hoàng Thị Ninh

- Thư ký phiên toà: bà Bùi Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên toà***: ông Vũ Nhật Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2026/TLST - HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2026/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Lê Trọng L**, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1991 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L1 (đã chết) và bà Đặng Thị T; vợ, con: chưa có; tiền sự: không.

* Tiền án: 02 tiền án.

- Ngày 30/10/2020, bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (nay là TAND khu vực - Hải Phòng) xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 02/6/2024, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 12/11/2024 bị Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (nay là TAND khu vực - Hải Phòng) xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" Ngày 01/9/2025 được đặc xá.

* Nhân thân:

- Ngày 17/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 05/02/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 01/11/2014 đã chấp hành xong phần thi hành án dân sự.

- Ngày 21/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Toà án nhân dân khu vực – Hải Phòng) xử phạt phạt 15 tháng tù về

tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 22/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 23/01/2018, đã chấp hành xong phần thi hành án dân sự.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, áp dụng biện pháp tạm giữ ngày 17/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 23/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Q; có mặt.

2. **Lê Quang Đ**, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn P, xã P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Phạm Thị Phương A; có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp tạm giữ ngày 16/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 22/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Q; có mặt.

3. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: TDP T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đinh Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị H1, có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2026; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Bùi Hồng N, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ E, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Chị Trần Thị Hồng C1, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ D, khu Q, phường T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: xóm A, xã H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Quyết T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: phường L, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, khu G, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Anh Đỗ Công S, sinh năm 2005; nơi cư trú: tổ E, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Anh Bùi Văn D, sinh năm 1900; nơi cư trú: thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Anh Phí Bá D1, sinh năm 2003; nơi cư trú: số nhà D, khu C, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ông Trần Văn N1, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Chị Lê Thị Thảo T5, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ dân phố A, phường L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đăng C2, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ dân phố K, phường T, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người làm chứng:* anh Bùi Văn T6, anh Trần Trung H3 (là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH T8) – có mặt; Ông Vũ Văn B, anh Thân Văn K, anh Trần Công M, anh Nông Văn L2 – đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trọng L không có nghề nghiệp, để có tiền ăn tiêu, trả nợ, L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô rồi đem bán cho Lê Quang Đ. Sau đó Đ lại tiếp tục bán cho Nguyễn Văn H để tiêu thụ, cụ thể:

1. Hành vi trộm cắp tài sản của Lê Trọng L:

Lần thứ nhất: khoảng 19 giờ 00 phút ngày 29/12/2025, tại khu vực trước cửa hàng "Dịu spa" thuộc tổ dân phố A, phường L, thành phố Hải Phòng, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát (BKS) số 15G1-953.66 của chị Lê Thị Thảo T5, rồi điều khiển sang tỉnh Hưng Yên bán cho Lê Quang Đ với giá 7.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 08/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường T thì xe mô tô trị giá 15.333.000 đồng.

Lần thứ hai: khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 05/01/2026, tại nhà gửi xe của Bệnh viện Đ1, thành phố Hải Phòng, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh, BKS 15AF-194.00 của anh Nguyễn Đăng C2 rồi đem bán cho Đ với giá 5.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 08/4/2026 thì trị giá xe mô tô 15.333.000 đồng.

Lần thứ ba: khoảng 18 giờ 48 phút ngày 05/01/2026, tại khu vực thuộc tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, BKS 15G1-942.15 của anh Trần Văn N1 dựng trên vỉa hè trước cửa nhà, rồi đem bán cho Đ với giá 5.500.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 08/4/2026 thì trị giá xe mô tô là 14.500.000 đồng.

Lần thứ tư: khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 11/01/2026, tại khu vực trước nhà hát M1 thuộc khu D, phường B, tỉnh Quảng Ninh, L trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh-đen-bạc, BKS 14B1-614.58 của anh Bùi Hồng N rồi đem bán cho Đ với giá 4.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường T thì trị giá xe mô tô là 10.000.000 đồng.

Lần thứ năm: khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 12/01/2026, tại khu vực vỉa hè phía sau Công ty B1 tại lô I thuộc Âu tàu 2, C tàu khách quốc tế T, phường T, L

trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng, BKS 14B1- 641.07 và 01 mũ bảo hiểm của chị Trần Thị Hồng C1 rồi đem bán cho Đ với giá 4.500.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 04/4/2026 thì trị giá xe mô tô là 10.000.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm trị giá 425.000 đồng.

Lần thứ sáu: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, tại khu phố C, xã V, thành phố Hải Phòng, L trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu xanh, BKS 29V5-758.68 của anh Phí Bá D1 dựng trước cửa nhà, rồi đem bán cho Đ với giá 6.000.000 đồng Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thì trị giá xe mô tô là 12.500.000 đồng.

Lần thứ bảy: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, tại khu vực vỉa hè trước cửa chung cư G bay G thuộc tổ I, khu C, phường B, L trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh, BKS 14U1-495.71 của chị Đỗ Thị H2 rồi đem bán cho Đ với giá 5.500.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 thì trị giá xe mô tô là 12.000.000 đồng.

Lần thứ tám: khoảng hơn 22 giờ ngày 12/01/2026, tại khu vực vỉa hè, ngã 3 đường A, phường U, tỉnh Quảng Ninh, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, không gắn BKS (hiện chưa xác định được chủ sở hữu) rồi đem bán cho Đ với giá 4.500.000 đồng. Sau khi kiểm tra trong cốp xe thì thấy có 01 BKS 88C1-370.29, nghĩ là của chiếc xe trên nên Đ đã lắp vào xe. Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 thì trị giá xe mô tô là 10.000.000 đồng.

Lần thứ chín: khoảng 12 giờ ngày 13/01/2026, tại khu vực nhà B, Cảng tàu T, phường T, tỉnh Quảng Ninh, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, BKS 14X1-421.94 của anh Nguyễn Quyết T3 rồi đem bán cho Đ với giá 5.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 thì trị giá xe là 12.000.000 đồng.

Lần thứ 10: khoảng 14 giờ ngày 13/01/2026, tại khu vực cây xăng H5 thuộc địa bàn thôn K, xã V, thành phố Hải Phòng, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng, BKS 15K1-575.81 của anh Bùi Văn D, rồi đem sang bán cho Đ với giá 5.500.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 thì trị giá xe mô tô là 12.500.000 đồng.

Lần thứ 11: khoảng 10 giờ ngày 14/01/2026, tại khu vực nhà chờ tàu Genesis, Âu tàu B, Cảng tàu T, phường T, tỉnh Quảng Ninh, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng xám, BKS 14AZ-081.78 của anh Hoàng Văn T4, rồi đem sang bán cho Đ với giá 6.500.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 thì trị giá xe mô tô là 12.000.000 đồng.

Lần thứ 12: khoảng 18 giờ 55 phút ngày 14/01/2026, tại khu vực trước cửa quán K1, địa chỉ thuộc tổ E, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh, L trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng- đen- bạc, BKS 17B5-646.06 của anh Đỗ Công S. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày tại khu vực sân vận động B2 thuộc

xã P, tỉnh Hưng Yên, khi L gặp và thoả thuận bán xe chiếc xe này cho Đ với giá 6.000.000 đồng, thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường T thì trị giá xe mô tô là 12.000.000 đồng.

2. Hành vi phạm tội của Lê Quang Đ: Đông biết rõ các xe mô tô L bán cho Đ là do phạm tội mà có, nhưng vì mục đích kiếm lời nên đã mua xe mô tô của L rồi thay, lắp lại ổ khóa. Sau đó thông qua mạng xã hội facebook, Đ liên hệ và thoả thuận bán xe cho Nguyễn Văn H. H cũng biết rõ tài sản mua của Đ do phạm tội mà có nhưng đồng ý mua lại để bán kiếm lời. Các lần mua bán xe, H đều trực tiếp đến cửa hàng sửa chữa xe máy của Đ tại thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên để giao dịch, cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 02/01/2026, Đ bán cho H 04 xe mô tô đã mua của L với giá 30.000.000 đồng, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 15G1-953.66; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đỏ-đen *(chưa xác định được chủ sở hữu)*; 02 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng và màu xám *(chưa xác định được chủ sở hữu).* Trong đó xe mô tô BKS 15G1- 953.66 bán với giá 9.500.000 đồng.

Lần thứ hai: ngày 06/01/2026, Đ bán cho H 03 xe mô tô đã mua của L gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, BKS 15AF-194.00; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 15G1-942.15; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ (chưa xác định được chủ sở hữu), với giá 22.000.000 đồng (Trong đó, xe mô tô BKS 15AF-194.00 bán với giá 8.000.000 đồng; xe BKS 15G1-942.15 bán với giá 7.000.000 đồng).

Lần thứ ba: ngày 09/01/2026, Đ bán cho H 03 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave *(chưa xác định được chủ sở hữu)*, với giá 20.000.000 đồng.

Lần thứ tư: vào ngày 13/01/2026, Đ liên hệ với H nói có 07 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (là 07 xe do Đ mua của L trộm cắp được từ vụ thứ 04 đến vụ thứ 10). Đ và H thỏa thuận giá 04 xe (gồm xe BKS 14B1-614.58, BKS 14B1- 641.07, BKS 29V5-758.68, BKS 14U1-495.71) là 26.500.000 đồng; 04 xe này Đ đã gửi thông tin cho H từ trước; 03 xe còn lại, H dự định khi đến xem thỏa thuận giá mua sau. Ngày 14/01/2026, H thuê 02 xe ô tô tải của Bùi Văn T6 (sinh năm 1997, nơi thường trú: tổ dân phố K, phường C, tỉnh Bắc Ninh) và Thân Văn K (sinh năm 1994, nơi thường trú: M, phường N, tỉnh Bắc Ninh) để đi chở xe. Khi H, T6 và K đến cửa hàng của Đ thì đúng lúc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đang thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với Đ nên không mua được xe như đã thỏa thuận với Đ.

3. Hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có của Nguyễn Văn H.

Sau khi mua xe mô tô của Đ, ngày 03/01/2026, H bán xe mô tô BKS 15G1-953.66 cho anh Trần Công M (sinh năm 1997, nơi thường trú: thôn H, xã T, tỉnh

Bắc Ninh) với giá 10.500.000 đồng. Cùng ngày, anh M bán lại cho anh Nông Văn L2 (sinh năm 2003, nơi thường trú: xóm G, phường N, tỉnh Cao Bằng) với giá 10.500.000 đồng. Khoảng 2-3 ngày sau, anh L2 đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết. H bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đỏ, đen cho người sử dụng tài khoản ngân hàng "Nguyễn Văn Á" với giá 14.000.000 đồng. Các xe còn lại H bán cho những người không quen biết thông qua mạng xã hội facebook, đều thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi bán, H đều xóa hết các thông tin.

* Khám xét khẩn cấp cửa hàng sửa chữa xe máy của Lê Quang Đ tại thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên phát hiện thu giữ 08 xe mô tô và 01 mũ bảo hiểm (do L trộm cắp được từ vụ thứ 04 đến vụ thứ 11 nêu trên đem đến bán cho Đ) và 01 máy mài nhãn hiệu DEARMEI, màu đen, dài khoản 20cm, phần đầu bằng kim loại sáng màu dài khoản 03cm, đã qua sử dụng.

Ngày 16/01/2026, Lê Quang Đ đầu thú và giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, gắn sim thuê bao số 0973208690; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ màu hồng gắn sim thuê bao số 0352807142.

Ngày 19/01/2026, Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu hồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng gắn sim thuê bao số 0979436234.

Kết luận giám định số 373 ngày 13/02/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: 08 xe mô tô thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở nhà Lê Quang Đ ngày 14/01/2026 và xe mô tô BKS 17B5- 646.06 tạm giữ của Lê Trọng L ngày 14/01/2026 đều có số khung, số máy nguyên thủy.

* Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Trọng L, Lê Quang Đ và Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra:

- Lê Trọng L khai nhận trước đó đã trộm cắp 14 xe mô tô, nhưng do thời gian đã lâu nên L không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm và đặc điểm xe đã trộm cắp. Khi bán xe cho Đ có một, hai lần có nó là xe do trộm cắp mà có, cả hai không hứa hẹn gì với nhau về việc nếu có xe trộm cắp thì bán lại cho Đ. Tất cả các lần bán xe đều do L chủ động liên lạc hẹn Đ để bán xe.

- Lê Quang Đ khai: việc mua bán xe trộm cắp với L không có thoả thuận từ trước; mỗi lần L có xe bán thì tự chủ động liên lạc với Đ. Ngoài 12 xe mô tô mua của L nêu trên, Đ còn mua của L 14 xe mô tô các loại *(không rõ BKS)*. Trong số 26 xe mua của L có 21 xe Đông nhớ đã trả cho L tổng số tiền theo chuyển khoản là 110.500.000 đồng (có Biên bản làm việc, đối chiếu tài khoản Ngân hàng của L), 05 xe còn lại Đ không nhớ đã trả bao nhiêu tiền. Ngoài bán xe cho H, Đ còn bán cho một số người không quen biết qua mạng xã hội facebook; khi giao dịch đều gặp trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt, sau khi bán đã xóa các thông tin. Số tiền thu lời do mua bán xe với L tổng cộng là 15.500.000 đồng.

- H khai đã mua được 10 xe mô tô mua của Đ, H bán được 90.500.000 đồng. Trong đó có một số xe Hậu tẩy số khung và số máy của xe, tháo rời phụ tùng, phụ kiện ra để bán. Số tiền thu lời do mua bán xe với Đ thu tổng cộng 18.500.000 đồng.

* Quá trình điều tra, các bị hại có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Trọng L về thời gian, địa điểm bị L trộm cắp xe mô tô. Đến nay cơ quan điều tra đã trả lại cho: chị Trần Thị Hồng C1 xe mô tô BKS 14B1-641.07 kèm theo 01 mũ bảo hiểm màu xám; anh Nguyễn Quyết T3 xe mô tô BKS 14X1-421.94; trả xe mô tô BKS 14AZ-081.78 của anh Hoàng Văn T4; anh Bùi Hồng N xe mô tô BKS 14B1-614.58; bà Đỗ Thị H2 xe mô tô BKS 14U1-495.71; anh Phí Bá D1 xe mô tô BKS 29V5-758.68; anh Bùi Văn D xe mô tô BKS 15K1-575.81; anh Đỗ Công S xe mô tô BKS 17B5-646.06. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị hại nêu trên đều có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền nào khác.

Trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại chị Lê Thị Thảo T5 (chủ xe 15G1- 953.66) có quan điểm: tại cơ quan điều tra yêu cầu L phải bồi thường 23.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay chị yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô của chị theo kết luận định giá tài sản là 15.333.000 đồng; anh Trần Văn N1 (chủ xe BKS 15G1-942.15) yêu cầu bị cáo bồi thường 12.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bị hại anh Nguyễn Đăng C2 có quan điểm: ngày 05/01/2026, anh có gửi xe mô tô Wave Alpha, màu xanh, BKS 15AF-194.00 tại nhà xe của Bệnh viện Đ1, thành phố Hải Phòng. Đến nay, đã xác định được bị cáo Lê Trọng L là người trộm cắp xe của anh, chiếc xe hiện chưa thu hồi được. Anh không có yêu cầu gì đối với Công ty T8 (Công ty ký hợp đồng để trông giữ xe với Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên thành phố Đ1) mà yêu cầu bị cáo phải trực tiếp bồi thường cho anh giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng.

Về hình phạt: các bị hại đều có quan điểm đề nghị xét xử bị cáo L theo quy định của pháp luật.

* Người làm chứng: anh Nguyễn Trung H4 (người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH T8 (Công ty T8) – pháp nhân ký hợp đồng trông giữ xe với Bệnh viện Đa Khoa Thủy Nguyên thành phố Đ1) trình bày: quá trình điều tra, Công ty T8 xác nhận việc anh C2 có bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe mô tô Wave Alpha, màu xanh, BKS 15AF-194.00 tại nhà gửi xe của Bệnh viện. Do xem xét điều kiện hoàn cảnh của anh C2, Công ty T8 có ý định hỗ trợ trị giá chiếc xe bị mất cho anh C2, tuy nhiên đến nay chưa hỗ trợ. Nay đã xác định được bị cáo L là người trộm cắp chiếc xe của anh C2, anh C2 cũng yêu cầu bị cáo phải trực tiếp bồi thường giá trị chiếc xe bị mất, Công ty T8 không có ý kiến gì khác

* Bản Cáo trạng số: 154/CT-VKSQNH – KV1 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh đã truy tố Lê Trọng L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Lê Quang Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm b, c khoản 2 Điều 323

Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự;.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Trọng L và bị cáo Nguyễn Văn H như nội dung bản cáo trạng; đối với bị cáo Lê Quang Đ quá trình diễn biến tại phiên toà xác định bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp nên thay đổi ý kiến về việc áp dụng các tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trọng L từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2026.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H, xử phạt mỗi bị cáo từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù đối với bị cáo Đ tính từ ngày 16/01/2026, đối với bị cáo H tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tài sản: áp dụng Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự; Điều 48; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Buộc Bị cáo Lê Trọng L phải bồi thường cho chị Lê Thị T7 Thương số tiền 15.333.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn N1 số tiền 12.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Đăng C2 số tiền 15.000.000 đồng.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 110.500.000 đồng của Lê Trọng L, số tiền 15.500.000 đồng của Lê Quang Đ và số tiền 18.500.000 đồng của Nguyễn Văn H là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 máy mài nhãn hiệu DEARMEI và 04 điện thoại thu của Đ và H.

- Tịch thu tiêu huỷ 03 sim thu kèm theo điện thoại của Đ và H

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ BKS: 88C1-370.29, số khung: RLHJA3918KY460574, Số máy: JA39E1331439, Công an tỉnh Q tiếp tục bảo quản, chờ xử lý theo quy định nên không đề nghị xử lý.

Tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng; các bị cáo, bị hại không có quan điểm tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của ba bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Kết luận định giá tài sản , Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, các Bản ảnh, Bản ảnh sao trích từ camera, Biên bản khám phương tiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/12/2025 đến ngày 14/01/2026, tại địa bàn tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng, Lê Trọng L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Bùi Hồng N, chị Trần Thị Hồng C1, bà Đỗ Thị H2, anh Nguyễn Quyết T3, anh Hoàng Văn T4, anh Đỗ Công S, anh Bùi Văn D, anh Phí Bá D1, anh Nguyễn Đăng C2, chị Lê Thị Thảo T5, anh Trần Văn N1 và 01 mũ bảo hiểm chị Trần Thị Hồng C1 rồi đem bán cho Lê Quang Đ. Tổng trị giá tài sản L trộm cắp là 148.591.000 đồng; Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản để bán kiếm lời. Đ đã mua lại toàn bộ xe mô tô mà L đã trộm cắp nêu trên và bán cho Nguyễn Văn H cùng một số người không quen biết khác qua mạng xã hội. Nguyễn Văn H đã nhiều lần mua lại xe mô tô của Đ đều biết nguồn gốc do trộm cắp mà có trị giá 124.591.000 đồng rồi bán lại cho nhiều người hoặc tẩy số khung, số máy của xe, tháo rời phụ tùng phụ kiện của xe để bán. Ngày 13/01/2026, Đ và H tiếp tục thoả thuận mua bán 07 xe mô tô do Đ mua của L trước đó (từ vụ trộm cắp thứ 4 đến lần thứ 10), khi H đến cửa hàng của Đ để nhận xe thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét: đối với bị cáo Lê Trọng L đã có 02 tiền án đều về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, do vậy, lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm (thuộc trường hợp: đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện

hành vi phạm tội do cố ý); bị cáo không có nghề nghiệp, không chịu lao động chân chính mà coi việc trộm cắp tài sản của người khác là nguồn thu nhập để có tiền tiêu xài, thoả mãn nhu cầu của bản thân, L đã 12 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá 148.591.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Quang Đ: mặc dù không hứa hẹn trước về việc tiêu thụ tài sản do L trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi mà đã nhiều lần mua tài sản trộm cắp của L rồi bán lại cho người khác kiếm lời. Tổng giá trị tài sản phạm pháp do Đ mua lại là 148.591.000 đồng. Trong vụ án xác định Đ đã thực hiện hơn 05 lần hành vi tiêu thụ tài sản trộm cắp từ L. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định được, bị cáo Đ có nghề nghiệp ổn định, có cửa hàng sửa chữa xe máy được cấp Giấy phép theo quy định, thu nhập bình quân từ việc sửa chữa, gia cố xe mô tô hợp pháp cũng đủ nuôi sống gia đình và bản thân, bị cáo có nhân thân tốt, nhưng chỉ vì hám lợi trước mắt, muốn kiếm thêm tiền chi tiêu riêng cho bản thân nên đã thực hiện tội phạm, bị cáo không lấy việc thu lợi từ việc tiêu thụ tài sản phạm pháp làm nguồn thu nhập để sinh sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chất chuyên nghiệp, việc đại diện Viện kiểm sát có ý kiến không tiếp tục truy tố bị cáo về tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên, kết luận hành vi của bị cáo Lê Quang Đ đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: H biết rõ việc mua lại tài sản của Đ đều có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng cũng do hám lợi nên đã thực hiện tội phạm. Tổng trị giá tài sản phạm pháp H mua của Đ xác định được là 124.591.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Vụ án không có tính chất đồng phạm, các bị cáo thực hiện tội phạm độc lập, không có sự bàn bạc, câu kết với nhau.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều đã thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội đối với tội phạm mà mình gây ra, đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm

nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: bị cáo Lê Quang Đ và Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Lê Trọng L có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về các tội "Trộm cắp tài sản" "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội cho thấy thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt chính: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Mức hình phạt đối với bị cáo Lê Trọng L được quy định tại khoản 2 Điều 173; mức hình phạt đối với bị cáo Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H quy định tại khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo L không có nghề nghiệp, bị cáo Đ có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H là lao động tự do; không xác định được các bị cáo có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại anh Bùi Hồng N, chị Trần Thị Hồng C1, bà Đỗ Thị H2, anh Nguyễn Quyết T3, anh Hoàng Văn T4, anh Đỗ Công S, anh Bùi Văn D, anh Phí Bá D1 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại tài sản do L trộm cắp, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu bồi thường trị giá các xe mô tô chưa thu hồi được của các bị hại: chị Lê Thị Thảo T5 yêu cầu bồi thường số tiền 15.333.000 đồng (xe Honda Wave, màu trắng, BKS 15G1- 953.66); anh Trần Văn N1 yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng (xe Honda Wave, màu đen BKS 15G1-942.15); anh Nguyễn Đăng C2 yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (xe H6, màu xanh BKS 15AF-194.00) là có căn cứ theo Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 08/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường T; tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền nêu trên cho các bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản, số tiền thu lợi bất chính:

+ 01 máy mài nhãn hiệu DEARMEI, màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo không dùng vào việc thực hiện tội phạm, tuy nhiên bị cáo không đề nghị nhận lại, đồng ý sung Ngân sách Nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ 02 điện thoại thu của bị cáo Lê Quang Đ và 02 điện thoại thu của bị cáo Nguyễn Văn H là phương tiện các bị cáo liên lạc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ 03 sim thu kèm theo điện thoại của Đ và H không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

+Về số tiền thu lợi bất chính:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo tại phiên toà, xác định được số tiền các bị cáo thu lợi bất chính như sau:

Bị cáo Lê Trọng L xác nhận đều bán 26 xe mô tô trộm cắp được cho Lê Quang Đ, trong đó có 12 xe mô tô trộm cắp được làm rõ trong vụ án, giá mỗi chiếc xe từ 3.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng; bị cáo đều đã được Đông thanh toán hết bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Số tài khoản của L nhận tiền là 19033203987011 tại Ngân hàng TMCP K3, số tài khoản Đ chuyển tiền đến là 9108002000 tại Ngân hàng TMCP K3. Bị cáo không nhớ chính xác đã nhận của Đ bao nhiêu tiền, cụ thể của những xe trộm cắp nào, nhưng số tiền Đ khai đã chuyển khoản cho bị cáo 110.500.000 đồng là đúng. Ngoài ra, bị cáo xác nhận còn nhiều lần nhận thêm tiền mặt do Đ thanh toán. Toàn bộ số tiền này đều là tiền bị cáo bán xe do trộm cắp cho Đ, bị cáo đã chi tiêu hết. Đối với số tiền 110.500.000 đồng bị cáo nhận chuyển khoản là tiền bán 12 xe bị cáo trộm cắp trong vụ án này và thêm một số xe khác đã trộm cắp trước đó. Bị cáo có quan điểm tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời khai của các bị cáo, đối chiếu sao kê từ các số tài khoản nêu trên của bị cáo L, bị cáo Đ xác định được từ ngày 24/12/2025 đến ngày 13/01/2026, Đ đã chuyển cho L số tiền 110.500.000 đồng, số tiền giao dịch nêu trên cũng phù hợp với giá trị mỗi xe mà L bán cho Đ. Tuy số tiền trên có bao gồm thêm số tiền do bán xe mô tô trộm cắp trước đó chưa làm rõ được ngoài 12 lần bán xe trong vụ án lần này, nhưng bị cáo L trình bày là tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe trộm cắp cho Đ và tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tịch thu toàn bộ số tiền 110.500.000 đồng L thu lợi bất chính sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Quang Đ: căn cứ lời khai của các bị cáo, xác định Đ thu lợi số tiền 7.000.000 đồng do việc bán xe trộm cắp đã xác định trong vụ án (12 xe). Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà, Đ khai có thu lợi bất chính từ việc mua bán lại tài sản trộm cắp từ L tổng số tiền 15.500.000 đồng (bao gồm các xe trộm cắp trong vụ án và thêm 14 xe đã mua của L trước đó chưa làm rõ được). Đông tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tịch thu toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của Đ 15.500.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn H: căn cứ lời khai của các bị cáo, xác định H mua lại 03 xe trộm cắp trong vụ án (xe BKS 15G1-953.66; xe BKS 15G1-942.15, xe BKS 15AF-194.00) thu lợi số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà, H khai có thu lợi bất chính từ việc mua bán lại tài sản trộm cắp từ Đ tổng số tiền 18.500.000 đồng (bao gồm các

xe trộm cắp trong vụ án và thêm các xe khác chưa làm rõ được). H tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tịch thu toàn bộ số tiền 18.500.000 đồng thu lợi bất chính của Hậu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ BKS: 88C1-370.29, số khung: RLHJA3918KY460574, Số máy: JA39E1331439, Công an tỉnh Q tiếp tục bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, chứng cứ buộc tội, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về mức hình phạt đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận.

[9] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với các anh Bùi Văn T6 và Thân Văn K là những người được H thuê đi chở các xe mô tô cho H; anh Trần Công M và Nông Văn L2 là những người mua lại xe mô tô BKS 15G1-953.66 từ H. Anh T6, anh K , anh M và anh L2 đều không biết các xe này là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen (chưa rõ BKS) H bán cho một người nam giới sử dụng số tài khoản ngân hàng 0987888818 của Ngân hàng TMCP Q1 (MB) mang tên "Nguyễn Văn Á" để thanh toán, xác định chủ tài khoản ngân hàng trên là: Nguyễn Văn Á, sinh năm 1985, chỗ ở: tổ D, Q, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là phường T, tỉnh Sơn La), Cơ quan CSĐT để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên không đề cập xem xét.

Ngoài ra, L còn khai trước đó trộm cắp 14 xe mô tô các loại (không rõ BKS, không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm và đặc điểm xe) bán cho Đ. Một số xe Nguyễn Văn H mua của Đ sau đó H tháo phụ tùng ra hoặc mài số khung, số máy để bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm bị hại và tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên không đề cập xem xét.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trọng L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

+ Căn cứ vào điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Trọng L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2026.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Quang Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2026.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Trọng L bồi thường cho chị Lê Thị T7 Thương số tiền 15.333.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), bồi thường cho anh Trần Văn N1 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Đăng C2 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án:

Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 máy mài nhãn hiệu DEARMEI, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ màu hồng thu của Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng thu của H.

Buộc bị cáo Lê Trọng L nộp lại số tiền 110.500.000 đồng (Một trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng), Lê Quang Đ nộp lại số tiền 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính mà có, tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 03 sim thu kèm theo điện thoại của Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 209/BB-THA/KV1 ngày 30/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Trọng L, Lê Quang Đ, Nguyễn Văn H mỗi phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Trọng L phải chịu 2.116.650 đồng (Hai triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, bị hại – anh Nguyễn Đăng C2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại - anh Bùi Hồng N, chị Trần Thị Hồng C1, bà Đỗ Thị H2, anh Nguyễn Quyết T3, anh Hoàng Văn T4, anh Đỗ Công S, anh Bùi Văn D, anh Phí Bá D1, chị Lê Thị Thảo T5, anh Trần Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh,
- Cơ quan CSĐT; Cơ quan THAHS công an tỉnh Quảng Ninh
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Quảng Ninh
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Đức Nhân – Hoàng Thị Ninh	**Lê Thị Thu**